

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên ☐ thỉnh giảng

Ngành: Cơ khí- Động lực; Chuyên ngành: Máy Xây dựng – Xếp dỡ

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **BÙI THANH DANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 15/11/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Quang hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): nhà số 21 , tổ dân phố số 4 phường Trần Phú, Quận Hoàng mai, Hà nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 0614 tòa nhà R3 khu Goldmark city, 136 Hồ Tùng Mậu, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà nội.

Điện thoại nhà riêng: .; Điện thoại di động: 0913060946;

E-mail: Danhdaiduong@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 22/10/1999 đến 07/2001: Nhân viên phòng kỹ thuật- Nhà máy Cơ khí Hồng Nam

- Từ 01/07/2001 đến nay : Giảng viên công tác tại Bộ môn Máy Xây Dựng – Xếp dỡ;  
Trường Đại học giao thông vận tải

- Từ tháng 30/11/2017 đến nay là giảng viên , kiêm nhiệm giám đốc Trung tâm đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải

Chức vụ: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất: Giám đốc Trung tâm đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT - Trường ĐHGTVT

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Máy Xây Dựng – Xếp dỡ, trường Đại học Giao thông Vận tải.

Địa chỉ cơ quan: Số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 07 năm 1999; số văn bằng: 110029; ngành: Cơ khí chuyên dùng, chuyên ngành: Máy Xây Dựng – Xếp dỡ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học giao thông vận tải

- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 03 tháng 05 năm 2007; số văn bằng: 0029349; ngành: Kỹ thuật cơ khí giao thông; chuyên ngành: Máy Xây dựng- Xếp dỡ ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải

- Được cấp bằng Tiến sỹ ngày 27 tháng 10 năm 2017; số văn bằng: 007236; ngành: Kỹ thuật cơ khí động lực; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông Vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngành giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu xác định các thông số hợp lý trong quá trình thiết kế, khai thác, sử dụng Máy Xây Dựng.

- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu các thông số tối ưu trong quá trình thiết kế và gia công cơ khí chuyên dùng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài cấp cơ sở:
- + Tham gia 03 đề tài NCKH cấp Bộ
- + Chủ nhiệm 03 đề tài NCKH cấp cơ sở
- + Thư ký 01 đề tài cấp Bộ
- + Chủ nhiệm 01 đề tài cấp NCKH Bộ
- + Đã công bố 41 bài báo, báo cáo khoa học được đăng trên các tạp chí, hội nghị hội thảo quốc tế có phản biện, trong đó có 27 bài báo, báo cáo đăng trên tạp chí, nhà xuất bản uy tín, tạp chí thuộc danh mục Scopus (có 01 bài báo Q1, 02 bài SCIE; 05 bài báo Q2, 02 bài ESCI; 02 bài báo Q3 và 14 bài báo Q4). Tác giả chính của 04 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín bài [29],[30],[31],[35].
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **02** sách tham khảo
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....
- 15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021, 2023-2024
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo năm 2021
- Đạt sáng kiến cấp Bộ Giáo dục và đào tạo năm 2021
- Bằng khen của Công đoàn giáo dục Việt nam năm 2012-2013, 2015-2016, 2019-2020
- Giấy khen của hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải năm học 2021-2022, 2022-2023
- 16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:
  - Có chuyên môn tốt, đúng ngành nghề được đào tạo, phù hợp chuyên môn giảng dạy;
  - Có lý lịch bản thân rõ ràng, có phẩm chất đạo đức tốt, luôn tuân thủ tốt các nguyên tắc nghề nghiệp và luật pháp;
  - Luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao về đào tạo và nghiên cứu khoa học; có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức sáng tạo và nhiệt tình trong công việc;
  - Tích cực tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ như tham gia đề tài các cấp, công bố các bài báo quốc tế uy tín; phản biện bài báo cho các tạp chí trong nước và quốc tế, trình bày Semina, hội thảo khoa học, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.
2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
  - Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 22 năm 08 tháng
  - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 |                           |     | 01                                 |                                         | 105                                |     | 105/141,28//67,5                                                                          |
| 2               | 2020-2021 |                           |     |                                    |                                         | 105                                |     | 105/109,42/67,5                                                                           |
| 3               | 2021-2022 |                           |     | 02                                 |                                         | 135                                |     | 135/195,6/67,5                                                                            |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 |                           |     |                                    |                                         | 120                                |     | 120/190,8/62,5                                                                            |
| 5               | 2023-2024 |                           |     |                                    |                                         | 190                                | 60  | 190/239,75/62,5                                                                           |
| 6               | 2024-2025 |                           |     |                                    |                                         | 288                                |     | 288/301/62,5                                                                              |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

☐ ☐ ☐

- Bảo vệ luận văn ThS năm ..... hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: ..... năm ....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, ngành ngôn ngữ Anh. số bằng: QC175250; cấp ngày 12/04/2023

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc gia Hà nội số bằng: QC175250; cấp ngày 12/04/2023

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo            | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                          |                                                       |
| 1  | Đặng Đình Việt                |           | x             |                       | x   | 06/2019-12/2019                    | Trường ĐH GTVT           | 29/05/2020<br>Số hiệu bằng: C001244                   |
| 2  | Trần Kha Minh                 |           | x             | x                     |     | 8/2021-02/2022                     | Trường ĐH SPKT Vĩnh Long | 31/10/2022<br>Số hiệu bằng: ME11178                   |
| 3  | Lê Quang Sinh                 |           | x             | x                     |     | 8/2021-02/2022                     | Trường ĐH SPKT Vĩnh Long | 31/10/2022<br>Số hiệu bằng: ME11181                   |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                        | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản      | Số tác giả | Chủ biên           | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)                                                    |
|----|-------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|------------|--------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                     |                            |                                   |            |                    |                                         |                                                                                                               |
| 1  |                                                 |                            |                                   |            |                    |                                         |                                                                                                               |
| II | Sau khi được công nhận TS                       |                            |                                   |            |                    |                                         |                                                                                                               |
| 1  | Giáo trình Thực hành Cơ khí đại cương           | TK                         | NXB khoa học và kỹ thuật Năm 2021 | 02         | TS. Bùi Thanh Danh | Trang 3 đến trang 176                   | Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ đào tạo của trường Đại học giao thông vận tải<br>16/05/2024                |
| 2  | Sử dụng, bảo dưỡng và tháo lắp pa lăng cáp điện | TK                         | Nhà xuất bản Xây dựng Năm 2024    | 01         | TS. Bùi Thanh Danh | Trang 1 đến trang 152                   | Giấy xác nhận sử dụng sách phục vụ đào tạo của trường Đại học công nghệ giao thông vận tải<br>Ngày 17/05/2024 |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT       | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                                                                                                                        | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>                                                                                                                                                                                                                                |           |                      |                     |                                                     |
| 1        | Nghiên cứu thiết kế để triển khai chế tạo hệ thống gia nhiệt cho vật liệu trong tang sấy ở các trạm sản xuất bê tông nhựa nóng 30÷40 (T/h) đạt chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật hợp lý và chống ô nhiễm môi trường. Ứng dụng cho công ty xây dựng công trình giao thông 873 | TK        | B2004-35-64          | 01/2004-12/2004     | 30/12/2005- Đạt                                     |
| 2        | Lập chương trình tự động hóa thiết kế cầu trục.                                                                                                                                                                                                                       | CN        | T2004-CK-27          | 01/2004-12/2004     | 23/03/2006- Tốt                                     |
| 3        | Ứng dụng phương pháp mô hình hóa xây dựng một số mô hình máy phục vụ cho giảng dạy môn học máy sản xuất vật liệu xây dựng.                                                                                                                                            | CN        | T2009-CK-18          | 01/2009-12/2009     | 29/01/2011- Tốt                                     |
| 4        | Nghiên cứu động lực học công trục chuyên dùng đặt trên xà mũ phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T trong công nghệ xây dựng cầu                                                                                                                                             | CN        | T2015-CK-38          | 01/2015-12/2015     | 15/12/2015- Tốt                                     |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                                              |    |                  |                 |                 |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------|-----------------|-----------------|
|           | ở Việt nam.                                                                                                                                                                                                                                                                  |    |                  |                 |                 |
| <b>II</b> | <b>Sau khi được công nhận TS</b>                                                                                                                                                                                                                                             |    |                  |                 |                 |
| 6         | Nghiên cứu đề xuất các giải pháp công nghệ thi công cho các cầu dân sinh phục vụ giáo dục, phù hợp với điều kiện tại vùng sâu, vùng xa khu vực phía Bắc" thuộc chương trình KHCN cấp bộ Nghiên cứu xây dựng cầu dân sinh phục vụ giáo dục vùng sâu vùng xa khu vực phía Bắc. | CN | CTB2018-GHA-08NV | 09/2018-12/2020 | 15/01/2021- Đạt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH                                                             | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|--------------------|
| <b>I</b> | <b>Trước khi được công nhận TS</b>                                                 |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                |                    |
| 1        | Nghiên cứu sự ảnh hưởng do dòng khí của quạt gió cao áp đến quá trình đốt cháy dầu | 02         |                  | Tạp chí khoa học GTVT<br>ISBN : 1859-2724       |                                                   |                                            |                | 11/2005            |

|   |                                                                                                                                                                                                                   |    |                     |                                                  |  |  |  |         |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|--------------------------------------------------|--|--|--|---------|
|   | FO trong lò đốt<br>hở của tang sấy<br>trạm trộn<br>bê tông nhựa<br>nóng 40T/h.                                                                                                                                    |    |                     |                                                  |  |  |  |         |
| 2 | Nghiên cứu lựa<br>chọn các thông<br>số đầm lèn hợp<br>lý cho nền<br>đường giao<br>thông nông<br>thôn vùng đồng<br>bằng Bắc Bộ.                                                                                    | 02 |                     | Tạp chí khoa<br>học GTVT<br>ISBN : 1859-<br>2724 |  |  |  | 11/2008 |
| 3 | Nghiên cứu,<br>tính toán thiết<br>kế trục trộn<br>trong buồng<br>trộn của trạm<br>sản xuất bê tông<br>nhựa nóng và<br>ứng dụng<br>chương trình<br>Mastercam lập<br>quy trình gia<br>công trên máy<br>phay 5 trục. | 02 |                     | Tạp chí khoa<br>học GTVT<br>ISBN : 1859-<br>2724 |  |  |  | 2/2010. |
| 4 | Nghiên cứu,<br>xây dựng<br>chương trình<br>tính toán thiết<br>kế cầu trục một<br>dầm. Áp dụng<br>chương trình<br>trên cho các<br>công ty chế tạo<br>thiết bị nâng<br>trong nước.                                  | 01 | Tác<br>giả<br>chính | Tạp chí khoa<br>học GTVT<br>ISBN : 1859-<br>2724 |  |  |  | 2/2010  |
| 5 | Ứng dụng phần<br>mềm Sap 2000<br>trong tính toán<br>thiết kế kết cấu<br>thép công trục<br>long môn đặt<br>trên xà mũ phục<br>vụ lao lắp dầm<br>cầu Super- T.                                                      | 02 |                     | Tạp chí GTVT<br>ISBN : 2354-<br>0818             |  |  |  | 11/2012 |
| 6 | Nghiên cứu<br>thực nghiệm                                                                                                                                                                                         | 03 |                     | Tạp chí cơ khí                                   |  |  |  | 3/2015  |



|    |                                                                                                                                                                |    |               |                                             |  |  |  |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------|---------------------------------------------|--|--|--|---------|
|    | xác định lực căng động trong cáp hàng của công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T.                                                                           |    |               | Việt nam.<br>ISBN: 2615-9910                |  |  |  |         |
| 7  | Nghiên cứu động lực học công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T lắp đặt trên xà mũ trụ cầu trong trường hợp mang nâng hàng không có độ chùng cáp             | 03 |               | Tạp chí cơ khí Việt nam.<br>ISBN: 2615-9910 |  |  |  | 4/2015  |
| 8  | Nghiên cứu động lực học công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super-T lắp đặt trên xà mũ trụ cầu trong trường hợp mang hàng di chuyển.                             | 03 |               | Tạp chí Cơ khí<br>ISBN: 2615-9910           |  |  |  | 5/2015  |
| 9  | Nghiên cứu dao động và tải trọng động phát sinh trong công trực phục vụ lao lắp dầm cầu Super – T khi mang hàng di chuyển có kể đến độ cứng của cáp nâng hàng. | 03 | Tác giả chính | Tạp chí khoa học GTVT<br>ISBN : 1859-2724   |  |  |  | 11/2015 |
| 10 | Nghiên cứu ứng dụng hàm Solver giải bài toán tối ưu trọng lượng kết cấu thép dàn chính của công trực lắp đặt trên                                              | 03 | Tác giả chính | Tạp chí Cơ khí<br>ISBN: 2615-9910           |  |  |  | 5/2016  |

|           |                                                                                                                                                                                        |    |                     |                                                |                            |  |                              |            |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|------------------------------------------------|----------------------------|--|------------------------------|------------|
|           | xà mũ trụ cầu<br>phục vụ lao lắp<br>dầm cầu Super<br>– T.                                                                                                                              |    |                     |                                                |                            |  |                              |            |
| <b>II</b> | <b>Sau khi được công nhận TS</b>                                                                                                                                                       |    |                     |                                                |                            |  |                              |            |
| 11        | Ứng dụng phần<br>mềm Sap 2000<br>trong tính toán<br>thiết kế kết cấu<br>thép công trực<br>dạng chữ C<br>khẩu độ 9,7<br>mét, tải trọng<br>25 Tấn phục vụ<br>thi công mô trụ<br>cầu cạn. | 01 | Tác<br>giả<br>chính | Tạp chí GTVT<br>ISBN : 2354-<br>0818           |                            |  |                              | 5/2019     |
| 12        | Ứng dụng phần<br>mềm ANSYS<br>APDL trong<br>tính toán, thiết<br>kế công trực<br>long môn phục<br>vụ lao lắp dầm<br>bê tông khẩu độ<br>nhỏ trong<br>thi công cầu<br>dân sinh            | 02 | Tác<br>giả<br>chính | Tạp chí Cơ khí<br>ISBN: 2615-9910              |                            |  |                              | 08/2020    |
| 13        | Effect of Input<br>Parameters on<br>Electrode Wear in<br>PMEDM<br>Cylindrical<br>Shaped Parts                                                                                          | 08 |                     | Key Engineering<br>Materials<br>ISSN: 16629795 | Scopus<br>Q4<br>(IF: 0.487 |  | Volume<br>861,<br>pp:136-142 | 09/2020    |
|           | Doi: <a href="https://doi.org/10.4028/www.scientific.net/KEM.861.136">https://doi.org/10.4028/www.scientific.net/KEM.861.136</a>                                                       |    |                     |                                                |                            |  |                              |            |
| 14        | Influence of Input<br>Factors on<br>Material Removal<br>Rate in PMEDM<br>Cylindrical<br>Shaped Parts with                                                                              | 08 |                     | Key Engineering<br>Materials<br>ISSN: 16629795 | Scopus<br>Q4<br>(IF: 0.487 |  | Volume<br>861,<br>pp:129-135 | 02/09/2020 |

|    |                                                                                                                                             |    |  |                                                                                                                        |                           |  |                       |            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--|-----------------------|------------|
|    | Silicon Carbide Powder Suspended Dielectric                                                                                                 |    |  |                                                                                                                        |                           |  |                       |            |
|    | Doi: 10.4028/www.scientific.net/KEM.861.129                                                                                                 |    |  |                                                                                                                        |                           |  |                       |            |
| 15 | The Influence of Main Design Parameters on the Overall Cost of a Gearbox                                                                    | 08 |  | Applied Sciences   An Open Access Journal from MDPI                                                                    | SCI, Q1, IF (2020) = 2, 7 |  |                       | 30/03/2020 |
|    | Doi:10.3390/app10072365                                                                                                                     |    |  |                                                                                                                        |                           |  |                       |            |
| 16 | Enhancing Accuracy of Surface Roughness Model Using Box-Cox Transformation in Surface Grinding AISI 5120 Alloy Steels                       | 08 |  | Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2020. Lecture Notes in Networks and Systems, vol 178. Springer | Scopus Q4 (IF: 0.595)     |  | pp 379–390            | 2020       |
|    | DOI: 10.1007/978-3-030-64719-3_43                                                                                                           |    |  |                                                                                                                        |                           |  |                       |            |
| 17 | A Study on Prediction of Milling Forces                                                                                                     | 08 |  | Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2020. Lecture Notes in Networks and Systems                    | Scopus Q4 (IF: 0.595)     |  | vol 178 pp 86–93      | 2020       |
|    | <a href="https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-64719-3_11">https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-64719-3_11</a> |    |  |                                                                                                                        |                           |  |                       |            |
| 18 | Influence of process parameters on                                                                                                          | 08 |  | Materials Science Forum. ISSN: 16629752                                                                                | Scopus Q4 (IF: 0.477)     |  | Volume 1018, pp:91-95 | 2021       |

|    |                                                                                                                                         |    |                     |                                                                                                                           |                             |  |                             |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--|-----------------------------|------|
|    | material removal<br>rate in electrical<br>discharge<br>machining<br>cylindrical shaped<br>parts                                         |    |                     |                                                                                                                           |                             |  |                             |      |
|    | DOI: 10.4028/www.scientific.net/MSF.1018.91                                                                                             |    |                     |                                                                                                                           |                             |  |                             |      |
| 19 | Effects of input<br>parameters on<br>electrode wear rate<br>when EDM<br>cylindrical shaped<br>parts                                     | 08 |                     | Materials<br>Science Forum<br>ISSN: 16629752                                                                              | Scopus<br>Q4<br>(IF: 0.477) |  | Volume<br>1018,<br>pp:79-83 | 2021 |
|    | DOI: 10.4028/www.scientific.net/MSF.1018.79                                                                                             |    |                     |                                                                                                                           |                             |  |                             |      |
| 20 | Effect of dressing<br>parameters on<br>material removal<br>rate when surface<br>grinding skd11<br>tool steel                            | 08 |                     | Materials<br>Science Forum<br>ISSN: 16629752                                                                              | Scopus<br>Q4<br>(IF: 0.477) |  | Volume<br>1020,<br>pp:60-67 | 2021 |
|    | DOI: 10.4028/www.scientific.net/MSF.1020.60                                                                                             |    |                     |                                                                                                                           |                             |  |                             |      |
| 21 | Determination<br>of Optimum<br>Gear Ratios of<br>Two-stage<br>Bevel Helical<br>Gearboxes for<br>Getting<br>Minimum<br>Gearbox<br>Volume | 08 | Tác<br>giả<br>chính | Advances in<br>Engineering<br>Research and<br>Application.<br>ICERA 2021.<br>Lecture Notes in<br>Networks and<br>Systems, | Scopus<br>Q4<br>(IF: 0.595) |  | vol 366<br>pp 302–<br>311   | 2021 |

|    |                                                                                                                                             |    |               |                                                                                                      |                       |  |                    |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--|--------------------|------|
|    | <a href="https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-92574-1_32">https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-92574-1_32</a> |    |               |                                                                                                      |                       |  |                    |      |
| 22 | Study on productivity improvement when turning AISI 1045 steel on basis of surface roughness assurance                                      |    |               | Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2021. Lecture Notes in Networks and Systems, | Scopus Q4 (IF: 0.595) |  | vol 366 pp 872–881 | 2021 |
|    | <a href="https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-92574-1_89">https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-030-92574-1_89</a> |    |               |                                                                                                      |                       |  |                    |      |
| 23 | Study on Multi-criteria Decision Making in CBN Grinding SKD11 Tool Steel                                                                    | 07 | Tác giả chính | Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems, | Scopus Q4 (IF: 0.595) |  | vol 602 pp 99–105  | 2022 |
|    | Study on Multi-criteria Decision Making in CBN Grinding SKD11 Tool Steel   SpringerLink                                                     |    |               |                                                                                                      |                       |  |                    |      |
| 24 | A Study on Optimization of Helical Worm Gearboxes Based on Volume Function                                                                  | 07 | Tác giả chính | Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems, | Scopus Q4 (IF: 0.595) |  | vol 602 pp 116–127 | 2022 |
|    | <a href="https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_13">https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_13</a> |    |               |                                                                                                      |                       |  |                    |      |
| 25 | Effect of Process Parameters on Material Removal Speed in CBN Grinding Al6061 T6                                                            | 07 | Tác giả chính | Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems, | Scopus Q4 (IF: 0.595) |  | vol 602 pp 462–467 | 2022 |

|    |                                                                                                                                                                      |    |               |                                                                                                      |                            |  |                      |      |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--|----------------------|------|
|    |                                                                                                                                                                      |    |               |                                                                                                      |                            |  |                      |      |
|    | <a href="https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_52">https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_52</a>                          |    |               |                                                                                                      |                            |  |                      |      |
| 26 | Studying Optimal Set of Input Parameters for CBN Grinding Aluminum 6061T6 on CNC Milling Machine                                                                     | 07 | Tác giả chính | Advances in Engineering Research and Application. ICERA 2022. Lecture Notes in Networks and Systems, | Scopus Q4 (IF: 0.595)      |  | vol 602 pp 895–902   | 2022 |
|    | <a href="https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_95">https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-22200-9_95</a>                          |    |               |                                                                                                      |                            |  |                      |      |
| 27 | A High-Reliability Piezoelectric Tile Transducer for Converting Bridge Vibration to Electrical Energy for Smart Transportation                                       | 03 |               | Micromachines<br>ISSN: 2072-666X                                                                     | SCOPUS Q2 (IF: 3.3)        |  |                      | 2023 |
|    | <a href="https://doi.org/10.3390/mi14051058">https://doi.org/10.3390/mi14051058</a>                                                                                  |    |               |                                                                                                      |                            |  |                      |      |
| 28 | A study on the influence of printing orientation in metal printing using material extrusion technology on the mechanical properties of 14-4 stainless steel products | 04 |               | Journal of Machine Engineering.<br>ISSN 1895-7595.<br>Online: 2391-8071                              | Scopus Q2<br>IF: 1.288     |  | Vol.23               | 2023 |
|    | <a href="https://doi.org/10.36897/jme/170509">https://doi.org/10.36897/jme/170509</a>                                                                                |    |               |                                                                                                      |                            |  |                      |      |
| 29 | Surface Roughness Modeling of Hard Turning 080A67 Steel                                                                                                              | 02 | Tác giả chính | Engineering, Technology & Applied Science Research<br>ISSN 1792-8036                                 | Scopus, Q2, ESCI, , If=1,5 |  | Vol. 13, No. 3, 2023 | 2023 |
|    | <a href="https://doi.org/10.48084/etasr.5790">https://doi.org/10.48084/etasr.5790</a>                                                                                |    |               |                                                                                                      |                            |  |                      |      |

|    |                                                                                                                                                                                   |    |               |                                                                     |                              |  |                      |      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------|--|----------------------|------|
| 30 | Research of methods for determining dynamic stress of the bars in the main structure of gantry crane installed on the cap of bridge pier to serve installation of sSuper-T girder | 02 | Tác giả chính | ERUKA: Physics and Engineering ISSN <u>2461-4262</u>                | SCOPUS , Q3, If (2023)=1,189 |  | Number 2             | 2023 |
|    | Doi: 10.21303/2461-4262-2023.0002673                                                                                                                                              |    |               |                                                                     |                              |  |                      |      |
| 31 | Optimization of Technological Parameters when Plasma Nitriding the Gear Working Surface                                                                                           | 02 | Tác giả chính | Engineering, Technology & Applied Science Research . ISSN 1792-8036 | Scopus, Q2 ESCI, , If=1,5    |  | Vol. 13, No. 3, 2023 | 2023 |
|    | <a href="https://doi.org/10.48084/etasr.5946">https://doi.org/10.48084/etasr.5946</a>                                                                                             |    |               |                                                                     |                              |  |                      |      |
| 32 | Multi-Criteria Decision Making in CBN Grinding SKD11 Tool Steel Using TOPSIS Method                                                                                               | 06 | Tác giả chính | Journal of Military science and technology ISSN: 1859-1043          |                              |  | Number 5             | 2023 |
|    | <a href="https://doi.org/10.54939/1859-1043.j.mst.87.2023.94-99">https://doi.org/10.54939/1859-1043.j.mst.87.2023.94-99</a>                                                       |    |               |                                                                     |                              |  |                      |      |
| 33 | The study aimed to build an artificial neural network ( ANN) model to predict surface roughness in the milling process of 3X13 steel                                              | 02 |               | Science Journal of transportation ISSN: 2410-9088                   |                              |  | №3 (15)              | 2023 |
| 34 | Optimization of a two- stage                                                                                                                                                      | 05 |               | Wseas transactions on applied and                                   | Scopus,                      |  | Volume 19            | 2024 |

|    |                                                                                                                                                                                      |    |               |                                                                                          |                                 |  |                             |      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--|-----------------------------|------|
|    | bevel helical Gearbox using multiple Objectives to increase efficiency and reduce gearbox bottom Area                                                                                |    |               | theoretical machannics<br>E-ISSN: 2224-3429                                              | Q4<br>IF = 0,463                |  |                             |      |
|    | Doi: 10.37394/232011.2024.19.1                                                                                                                                                       |    |               |                                                                                          |                                 |  |                             |      |
| 35 | Research on the influence of dynamic parameters on the operation process of gantry cranes with assembled structures on the cap of bridge pier to serve installation of Super-T Beams | 03 | Tác giả chính | ERUKA: Physics and Engineering<br>ISSN 2461-4262                                         | SCOPUS ,<br>Q3, If (2023)=1,189 |  | Number 3                    | 2024 |
|    | <a href="https://doi.org/10.21303/2461-4262.2024.003253">https://doi.org/10.21303/2461-4262.2024.003253</a>                                                                          |    |               |                                                                                          |                                 |  |                             |      |
| 36 | Multi-Objective Optimization of a Two-Stage Helical Gearbox with Second Stage Double Gear-Sets Using TOPSIS Method                                                                   | 06 |               | Processes 2024<br>ISSN: 2227-9717                                                        | SCIE , Q2,<br>If (2024)=3,5     |  | Processes 2024, 12, 1160.   | 2024 |
|    | <a href="https://doi.org/10.3390/mi14051058">https://doi.org/10.3390/mi14051058</a>                                                                                                  |    |               |                                                                                          |                                 |  |                             |      |
| 37 | Optimization of cutting regimes for milling AISI-1045 Steel                                                                                                                          | 01 | Tác giả chính | Journal of Multidisciplinary Engineering Science and Technology (JMEST), ISSN: 2458-9403 |                                 |  | Vol 10   Issue 3   May 2025 | 2025 |
|    | JMEST » Vol.12 – Issue 4 (April- 2025)                                                                                                                                               |    |               |                                                                                          |                                 |  |                             |      |
| 38 | Tính toán thiết kế cụm di chuyển cho công trục tải trọng nâng 25 Tấn lắp đặt tại các dự án thủy điện                                                                                 | 01 | Tác giả chính | Tạp chí Cơ khí Việt nam<br>ISBN: 2615-9910                                               |                                 |  | ( Số tháng 04.2025)         | 2025 |



|                                                                                                                                                      |                                                                                                                                       |    |               |                                                                                          |  |  |                             |      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------|------|
| 39                                                                                                                                                   | Multi objective optimization of SKD11 Steel Grinding process using entropy and Ram methods                                            | 01 | Tác giả chính | European Journal of Engineering and Technology Research ( EJ-ENG), ISSN 2736-576X        |  |  | Vol 10   Issue 3   May 2025 | 2025 |
| Multi-Objective Optimization of Skd11 Steel Grinding Process using Entropy and RAM Methods   European Journal of Engineering and Technology Research |                                                                                                                                       |    |               |                                                                                          |  |  |                             |      |
| 40                                                                                                                                                   | Integration Of MCDM Methods For Cutting Tool Material Selection                                                                       | 01 | Tác giả chính | Journal of Multidisciplinary Engineering Science and Technology (JMEST), ISSN: 2458-9403 |  |  | Vol. 12 Issue 5, May - 2025 | 2025 |
| JMEST » Vol.12 – Issue 5 (May- 2025)                                                                                                                 |                                                                                                                                       |    |               |                                                                                          |  |  |                             |      |
| 41                                                                                                                                                   | Tính toán thiết kế kết cấu thép công trục dạng dầm hộp khẩu độ 46 mét, tải trọng 80 Tấn phục vụ đúc dầm bê tông cho các dự án cầu cạn | 01 | Tác giả chính | Tạp chí Xây dựng ( Tạp chí GTVT trước tháng 3 năm 2025 )<br><br>ISSN 2734-9888           |  |  | ( Số tháng 04.2025)         | 2025 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus được xếp hạng Q2, ESCI, Q3 mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sỹ : 04 bài số thứ tự [29], [30], [31],[35].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH      | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|-----------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                             |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II | Sau khi được công nhận TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1  |                             |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

## 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/đồng tác giả | Số tác giả |
|----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|----------------------------|------------|
| 1  |                                                |                 |                    |                            |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau TS: Không có

## 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---------|
|    |                                                             |                               |                                              |                                    |                                 |         |
|    |                                                             |                               |                                              |                                    |                                 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Ứng viên không bị thiếu

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Ứng viên không bị thiếu

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Ứng viên không bị thiếu

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Ứng viên không bị thiếu

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT

+ Đã hướng dẫn chính **02 HVCH/CK2/BSNT** đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Ứng viên không bị thiếu

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 04 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:  
Không bị thiếu

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 05 CTKH

☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không bị thiếu

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20. tháng 06 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Bùi Thanh Danh**